

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

Số: 1555/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện hạng mục Sơu tập, giám định mẫu cho phòng trưng bày diễn giải môi trường của Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức lao động điều tra quy hoạch rừng;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020;



Căn cứ Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Vườn quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Ngân sách Trung ương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Vườn quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình tại Tờ trình số 20/TTr-BQLVQG PB ngày 05/8/2020 và Công văn số 69/BQLVQG PB-KHTC ngày 19/8/2020, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 196/TTr-SNNPTNT ngày 21/8/2020; ý kiến của Giám Sở Tài chính tại Công văn số 2434/STC-QLNS ngày 18/8/2020 (đính kèm Biên bản họp thẩm định lập ngày 24/7/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện hạng mục Su rục tậ p, giám định mẫu cho phòng trưng bày diễn giải môi trường của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình, với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án, hạng mục thực hiện:

- Tên dự án: Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020;
- Tên hạng mục thực hiện: Su rục tậ p, giám định mẫu cho phòng trưng bày diễn giải môi trường.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

4. Phạm vi thực hiện: Trên diện tích rừng thuộc lâm phần quản lý của Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình.

5. Mục tiêu:

- Mục tiêu chung: Su rục tậ p và trưng bày bộ tiêu bản những loài thực vật rừng phổ biến hiện có tại Vườn quốc gia Phước Bình để phục vụ nhu cầu tham quan, học tập, nghiên cứu khoa học của du khách, học sinh, sinh viên,... trong và ngoài tỉnh khi đến Vườn Quốc gia Phước Bình; là cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững,... góp phần nâng cao nhận thức về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, lưu giữ các nguồn gen thực vật quý hiếm tại Vườn Quốc gia Phước Bình;

- Mục tiêu cụ thể: Điều tra, su rục tậ p và giám định bộ mẫu tiêu bản gồm 300 loài thực vật rừng để trưng bày tại phòng diễn giải môi trường của Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình; xây dựng cơ sở dữ liệu và lập bản đồ phân bố cho 300 loài thực vật rừng được bổ sung phục vụ công tác nghiên cứu bảo tồn và phục vụ cho nhu cầu tham quan học tập của du khách, học sinh, sinh viên,...

6. Nội dung chính của nhiệm vụ:

- Điều tra lập phân bố và xây dựng bộ mẫu tiêu bản gồm 300 loài thực vật rừng tại Vườn Quốc gia Phước Bình;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu đối với 300 loài thực vật rừng được bổ sung.

7. Sản phẩm chính của nhiệm vụ:

- Bộ tiêu bản 300 mẫu thực vật được giám định đầy đủ;
- Cơ sở dữ liệu phần mềm ứng dụng gồm các trường thông tin;
- Bản đồ số về phân bố loài thực vật bổ sung;
- Sổ tay hướng dẫn tra cứu, sử dụng;
- Báo cáo chuyên đề và bản danh lục thực vật Vườn Quốc gia Phước Bình hoàn chỉnh gồm các loài được bổ sung;
- Chuyển giao sản phẩm và tập huấn cho công chức, viên chức Vườn Quốc gia Phước Bình sử dụng tra cứu và cập nhật thông tin thành thạo.

8. Dự toán kinh phí: 964.419.758 đồng; trong đó:

- Chi phí trực tiếp thực hiện: 871.214.571 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 30.722.194 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư thực hiện: 31.900.393 đồng;
- Chi phí khác: 11.672.409 đồng;
- Chi phí dự phòng: 18.910.191 đồng.

9. Nguồn vốn thực hiện: Vốn Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020 đã giao cho Dự án đầu tư xây dựng Vườn quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Kèm theo tập thuyết minh và tổng dự toán hạng mục lâm sinh: Sưu tập, giám định mẫu cho phòng trưng bày diễn giải môi trường của Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này bảo đảm hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đối tượng và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định Nhà nước.

2. Giao các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức kiểm tra, phối hợp, hỗ trợ Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình tổ chức triển khai các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này bảo đảm hiệu quả, đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường,

Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Ái; Giám đốc Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, Khối NCTH;
- Lưu: VT. QMT



CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh



Biểu: Tổng hợp dự toán thực hiện hạng mục Sưu tập, giám định mẫu cho phòng trưng bày diễn giải môi trường của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình
(Thuộc Dự án đầu tư xây dựng Vườn quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020)
 Kèm theo Tờ trình số 196/TTr-SNNPTNT ngày 21/8/2020 của Sở NN&PTNT)

ĐVT: đồng

STT	Thành phần kinh phí	Hệ số	Tổng vốn	Ghi chú
I	Chi phí trực tiếp thực hiện sau thuế: (Gtt+VAT)		871.214.571	
1	Tổng chi phí thực hiện trước thuế: (Gtt)	Bảng tính	792.013.246	
2	Thuế giá trị gia tăng: (VAT = 10%*Gtt)	10%	79.201.325	
II	Chi phí quản lý dự án: (Gql = Gtt*2,874%*1,35)	3,879%	30.722.194	
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: (Gtv1+Gtv2+Gtv3)		31.900.393	
1	Chi phí thẩm tra dự toán - Tổng dự toán: (Gtv1 = Gtt*0,183%*1,1)	0,201%	1.594.323	
2	Chi phí lập HSMT và PTĐG HS dự thầu thực hiện hạng mục lâm sinh: (Gtv2 = Gtt*0,361%*1,1)	0,397%	3.145.085	Hệ số giữ nguyên theo Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 31/3/2016, số 1542/QĐ-UBND ngày 26/9/2019, số 1245/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Chi phí giám sát công tác thực hiện lâm sinh: (Gtv3 = Gtt*2,598%*1,1*1,2)	3,429%	27.160.985	
IV	Chi phí khác: (Gpk1 ++ Gpk4)		11.672.409	
1	Lệ phí thẩm định dự toán: (Gpk1 = Gtt*0,0351%)	0,0351%	277.997	
2	Lệ phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu thực hiện hạng mục lâm sinh: (Gpk2)	Mức tối thiểu	2.000.000	
3	Lệ phí thẩm tra phê duyệt quyết toán: (Gpk3 = TDT*0,439%*50%)	0,2195%	2.116.901	
4	Chi phí kiểm toán: (Gpk4 = TDT*0,686%*1,1)	0,7546%	7.277.511	
V	Tổng cộng I+II+III+IV		945.509.567	
VI	Chi phí dự phòng	2%	18.910.191	
	Tổng dự toán (V+VI)		964.419.758	